TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HS-ST
Ngày: 11- 11 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trương Thị Kim Tiến- Nguyên là giáo viên, trưởng phòng giáo dục;
Bà Trần Thị Kim Hoa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Ngọc Tr, (tên gọi khác: Chó con), sinh năm 1993 tại Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp TL1, xã TT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không có; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo: Danh Ch, sinh ngày 29/6/2002 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp TA1, xã TH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn) 01/12; Dân tộc Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh Thanh V và bà Danh Thị Mỹ L. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Danh Ch*: Bà Danh Thị Mỹ L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TA1, xã TH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Ấp 5, xã ĐHĐ,

huyện Đ, tỉnh Long An. Là mẹ của bị cáo Ch (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Danh Ch*: Ông Nguyễn Văn Tr- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Lê Thị Cẩm Th, sinh năm 2000 (có mặt).

HKTT: Ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp 5, xã ĐHĐ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1986 (có mặt). HKTT: Xóm PL, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Ấp 5, xã ĐHĐ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Ngọc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/8/2019, sau khi chơi game tại tiệm game bắn cá không biển hiệu thuộc ấp 5, xã ĐHĐ, huyện Đ, bị cáo Nguyễn Ngọc Tr rủ bị cáo Danh Ch đi tìm tài sản lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài, Danh Ch đồng ý. Tr và Ch đi bộ đến nhà trọ không biển hiệu thuộc ấp 5, xã ĐHĐ thấy phòng trọ số 9 do Chị Lê Thị Cẩm Th thuê ở, không khóa cửa. Tr nói Ch đứng ngoài cảnh giới để Tr vào lấy tài sản. Tr đã lén lút vào phòng trọ số 9 lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số loại J2 Prime, màu hồng, 200.000 đồng và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L2 018.85 mang ra đưa Ch cất giữ, sau đó Tr tiếp tục vào lấy 01 xe mô tô biển số 67L2- 018.85, trên xe có để sẵn chìa khóa, đẩy ra vị trí Ch đứng đưa xe cho Ch điều khiển chở Tr về hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nhà trọ biển hiệu 777 (không rõ địa chỉ) cả hai thuê phòng trọ ngủ qua đêm. Sáng ngày 06/8/2019 Tr lấy số tiền trộm cắp được là 200.000 đồng trả tiền thuê phòng, sau đó cả hai điều khiển xe mô tô biển số 67L2- 018.85 đến cửa hàng cầm đồ biển hiệu Bảo Anh do ông Ngô Văn L làm chủ tại ấp 5, xã ĐHĐ gặp ông Bùi Văn L là người trông coi cửa hàng thỏa thuận cầm xe mô tô biển số 67L2- 018.85 với giá 19.000.000 đồng. Khi cầm xe các bị cáo nói là xe của bạn nhờ cầm, Tr đưa cho ông Bùi Văn L xem giấy chứng minh nhân dân tên Trần Xuân D nhưng có dán hình của Tr, anh L không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có. Sau khi cầm xe, Tr chia cho Ch 3.000.000 đồng và điện thoại di động trộm cắp được, Ch mang điện thoại đi bán tại một tiệm cầm đồ không xác định được địa chỉ với giá 500.000 đồng. Số tiền này cả hai bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, ngày 09/8/2019 cơ quan Công an đã bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo Tr. Riêng bị cáo Ch đã đến cơ quan công an đầu thú vào ngày 05/9/2019.

Vật chứng thu giữ được gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 67L2-018.85, số khung 58196Y547292, số máy: JF66F0801223 do Lê Thị Cẩm Th đứng tên, kèm theo giấy tờ xe; Đối với số tiền 200.000 đồng và chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 không thu hồi được. Trong quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 67L2-018.85 là tài sản của chị Th nên cơ quan điều tra đã

trả lại xe cho chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KL.ĐGTS ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Hòa kết luận chiếc xe mô tô 67L2-018.85, số khung 58196Y547292, số máy: JF66F0801223 có giá 20.930.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, Loại J2 Prime có giá 916.000 đồng.

Tổng tộng tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 22.046.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Danh Ch trình bày: Bà L là mẹ của bị cáo Ch. Bị cáo Ch chưa đủ 18 tuổi nên chưa xin việc được do công ty không nhận, Ch không thường xuyên sống cùng với bà mà thường đi chơi với bạn bè. Trong quá trình điều tra và xét xử bà đã được thông báo đầy đủ về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của Tòa án liên quan đến con của bà là Danh Ch.

Người bào chữa cho bị cáo Danh Ch là ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Ch về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Thống nhất về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện viện kiểm sát nêu tại phiên tòa. Tuy nhiên bị cáo Ch khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa đủ 18 tuổi, bị cáo là người dân tộc Khme, chỉ học đến lớp 1 nên nhận thức còn hạn chế, bị bạn bè rủ rê thực hiện hành vi phạm tội. Cha mẹ bị cáo đã bỏ nhau nên bị cáo không được sự chăm sóc đầy đủ của cha mẹ. Trong phạm vi mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị thì ông Trung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo là 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị hại Chị Lê Thị Cẩm Th trình bày: Đêm ngày 05/8/2019 chị bị mất tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 67L2-018.85 (kèm theo giấy tờ xe); 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu hồng và số tiền 200.000 đồng tại phòng trọ của mình ở ấp 5, xã Đức Hòa Đông. Trong quá trình điều tra cơ quan Công an đã trả lại cho chị chiếc xe mô tô. Riêng tiền và điện thoại chưa lấy được. Trước đây chị có yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa chị Th không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Văn L trình bày: Ngày 06/8/2019 khi đang làm việc tại tiệm cầm đồ biển hiệu Bảo Anh tại ấp 5, xã Đức Hòa Đông thì bị cáo Tr đi cùng bị cáo Ch mang xe mô tô biển số 67L2.018.85 kèm theo giấy tờ xe (tên Lê Thị Cẩm Th) đến cầm và nói là xe của bạn nhờ cầm nên ông đồng ý với giá cầm xe là 19.000.000 đồng. Khi cầm xe, Tr đưa ra chứng minh nhân dân tên Trần Xuân D nhưng có dán hình của Tr trên giấy chứng minh, hiện tại ông không còn giữ giấy chứng minh nhân dân này.

Ông không biết đây là xe do bị cáo trộm cắp mà có. Trước đây ông có yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền cầm xe nhưng tại phiên tòa ông xác định không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc T có văn bản xin xét xử vắng mặt, tại cơ quan điều tra và có cung cấp bản tự khai trình bày: Vào sáng ngày 06/8/2019 bị cáo Tr điện thoại nhờ anh chạy xe đến tiệm cầm đồ biển hiệu Bảo Anh tại ấp 5, xã Đức Hòa Đông để rước Tr, khi đến nơi anh thấy Tr và bạn của Tr là Danh Ch đang thỏa thuận cầm xe mô tô biển số 67L2-018.85 với giá 19.000.000 đồng, sau đó anh chở Tr và Ch đến

cổng khu công nghiệp Tân Đô để 02 người xuống đi bộ rồi anh về. Anh Tân không biết chiếc xe cầm cố là xe do Tr và Ch lấy trộm được.

Tại cáo trạng số 137/CT-VKSĐH ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Tr và Danh Ch về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và phân tích các yếu tố cấu thành tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm của các bị cáo, phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Tr và Ch được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Ch được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là ra đầu thú. Tại phiên tòa bị cáo Tr trình bày gia đình có ông nội là người có công với cách mạng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, trong quá trình điều tra bị cáo cũng không cung cấp được nên đề nghị không xem xét.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Từ đó, áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Tr từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Xử phạt bị cáo Ch từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển số 67L2-018.85 trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định trên. Từ đó có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Tr và bị cáo Danh Ch khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội

của mình như bản cáo trạng đã truy tố, lời khai trên phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của bị cáo, của người bào chữa cho bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 05/8/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Tr và Danh Ch không có sự bàn bạc trước, Tr rủ Ch đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài được Ch đồng ý. Các bị cáo đi bộ, khi đến phòng trọ số 9 nhà trọ không biển hiệu tại ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa thấy cửa phòng không khóa nên Ch đứng ngoài cảnh giới còn Tr lén lút vào chiếm đoạt tài sản của Chị Lê Thị Cẩm Th, số tài sản chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô biển số 67L2-018.85 và giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số loại J2 Prime và 200.000 đồng. Tổng cộng các tài sản trên có giá trị 22.046.000 đồng. Trong đó, bị cáo Tr thực hiện với vai trò thực hành, Ch thực hiện với vai trò giúp sức. Sau khi lấy được tài sản, Tr và Ch điều khiển xe về hướng Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà trọ biển hiệu 777 (không rõ địa chỉ) thuê phòng trọ ngủ qua đêm. Sáng ngày 06/8/2019 các bị cáo sử dụng số tiền trộm cắp được là 200.000 đồng trả tiền phòng rồi điều khiển xe mô tô biển số 67L2-018.85 đến tiệm cầm đồ hiệu Bảo Anh tại ấp 5, xã Đức Hòa Đông cầm xe lấy số tiền 19.000.000 đồng, Tr chia cho Ch 3.000.000 đồng và điện thoại di động trộm cắp được, Ch bán điện thoại được 500.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của Tr và Ch có tính chất đồng phạm trong đó Tr thực hiện với vai trò thực hành, Ch thực hiện với vai trò giúp sức nhưng không có sự câu kết chặt chẽ. Hành vi trên được các bị cáo thừa nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Tr là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi rủ rê bị cáo Ch đi trộm cắp tài sản của người khác và thực tế bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản gồm xe mô tô, điện thoại và tiền của Chị Lê Thị Cẩm Th là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Đối với bị cáo Danh Ch, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo cũng nhận thức được việc Tr rủ rê và cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện do đó phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 67L2-018.85 có giá trị 20.930.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 giá trị 916.000 đồng và số tiền 200.000 đồng của Chị Lê Thị Cẩm Th. Hành vi trên của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Tr, bị cáo Danh Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự. Riêng bị cáo Ch còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo Tr trình bày có ông nội là người có công với cách mạng, tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo không khai và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tại phiên tòa ngoài lời khai thì bị cáo cũng khẳng định không có chứng cứ, tài liệu để cung cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Do đó, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Lê Thị Cẩm Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn L xác định rõ không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, đen, biển số 67L2-018.85, số khung 58196Y547292, số máy: JF66F0801223 và giấy tờ xe là tài sản mà các bị cáo trộm cắp, trong quá trình điều tra đã được trả lại cho chủ sở hữu là Chị Lê Thị Cẩm Th là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 19.000.000 đồng mà các bị cáo có được do cầm cố xe mô tô biển số 67L2-018.85 (trong đó bị cáo Tr 16.000.000 đồng, bị cáo Ch 3.000.000 đồng); Số tiền 500.000 đồng do bị cáo Ch bán điện thoại di động và 200.000 đồng trộm cắp, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nhận lại số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản thu lợi bất chính (tiền do phạm tội mà có) nên buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể bị cáo Nguyễn Ngọc Tr phải nộp lại 16.100.000 đồng (gồm tiền cầm cố xe và ½ số tiền 200.000 đồng trộm cắp được). Bị cáo Danh Ch phải nộp lại 3.600.000 đồng (gồm tiền cầm cố xe mô tô, tiền bán điện thoại và ½ số tiền 200.000 đồng trộm cắp được).

[6] Về tình tiết giấy chứng minh nhân dân tên Trần Xuân D được sử dụng để cầm xe mô tô biển số 67L2-018.85. Tại phiên tòa các bị cáo cũng như ông Bùi Văn L (người nhận cầm xe) đều khẳng định bị cáo Tr và Ch đến cầm xe, trong đó Tr là người trực tiếp thỏa thuận cầm xe với ông Bùi Văn L và đưa ra giấy chứng minh nhân dân tên Trần Xuân D có dán hình ảnh của bị cáo Tr. Tr khai giấy chứng minh này là của người bạn nhưng không xác định được địa chỉ và không biết hiện người này đang ở đâu. Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08/8/2019 của Công an xã Đức Hòa Đông có thu giữ giấy chứng minh nhân dân trên nhưng cơ quan điều tra, viện kiểm sát không thu thập cung cấp trong hồ sơ để làm rõ nội dung này là thiếu sót. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của các bị cáo và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa thì việc bị cáo Tr sử dụng giấy chứng minh nhân dân tên Trần Xuân D để cầm xe mô tô trộm cắp được là có thật. Việc bị cáo sử dụng chứng minh của người khác và dán hình ảnh của mình là thủ đoạn để cầm xe và không đủ yếu tố cấu thành tội về sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ. Hội đồng xét xử không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung về nội

dung này.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Tr, Danh Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Tr và bị cáo Danh Ch phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/8/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2019) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 12, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Danh Ch 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/9/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Danh Ch 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2019) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án

4. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Tr phải nộp lại số tiền 16.100.000 đồng, buộc bị cáo Danh Ch phải nộp lại số tiền 3.600.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Danh Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc Tr, bị cáo Danh Ch, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Nhung